

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững

VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Viện và Viện trưởng Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững (sau đây gọi tắt là Viện) là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH), thực hiện chức năng tham mưu, cung cấp dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; khảo sát, đánh giá nhu cầu và các bài toán chuyển đổi xanh của doanh nghiệp, địa phương; thiết kế và phát triển các giải pháp công nghệ, mô hình kỹ thuật – tài chính tích hợp trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ môi trường; xây dựng, hỗ trợ, tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững; thúc đẩy hợp tác, huy động nguồn lực và phát triển các cơ chế tài chính xanh, tài chính khí hậu nhằm góp phần hình thành và phát triển hệ sinh thái tăng trưởng xanh và phát triển bền vững tại Việt Nam.

2. Viện có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là: Institute for Green Growth and Sustainable Development (viết tắt là: IGS).

3. Viện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động, giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Viện có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn, hằng năm và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Tham mưu chiến lược, cung cấp dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

a) Nghiên cứu, theo dõi xu hướng, xây dựng định hướng, mục tiêu và kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn và hằng năm về tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững;

b) Tham mưu cơ chế, chính sách, mô hình phát triển, công cụ quản lý và các cơ chế khuyến khích, ưu đãi nhằm thúc đẩy triển khai các chương trình, dự án tăng trưởng xanh;

c) Thu thập, chuẩn hóa, quản trị và cập nhật hệ dữ liệu về tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững trên nền tảng dữ liệu chung của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo;

d) Tổng hợp, phân tích và cung cấp các báo cáo, đánh giá, dự báo về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững phục vụ công tác tham mưu chính sách và hỗ trợ triển khai cho các cơ quan quản lý nhà nước, địa phương và doanh nghiệp.

3. Phân tích thị trường, xác định nhu cầu và thiết kế giải pháp tăng trưởng xanh

a) Khảo sát, phân tích nhu cầu thị trường, xác định các bài toán chuyển đổi xanh của doanh nghiệp, địa phương; đề xuất định hướng các giải pháp công nghệ và mô hình triển khai phù hợp;

b) Thiết kế, xây dựng và hoàn thiện các giải pháp công nghệ, mô hình kỹ thuật – tài chính tích hợp trong lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường và các giải pháp phục vụ kinh tế tuần hoàn;

c) Xây dựng danh mục giải pháp, mô hình và dự án tăng trưởng xanh có khả năng triển khai và nhân rộng.

4. Xây dựng, hỗ trợ, tổ chức triển khai các chương trình, đề án và dự án tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững (ESG, SDGs).

a) Hỗ trợ địa phương, doanh nghiệp xây dựng đề án, chương trình, dự án tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững;

b) Tổ chức thí điểm, triển khai, theo dõi, đánh giá và hoàn thiện các mô hình, giải pháp công nghệ và mô hình quản trị phục vụ thực hiện các mục tiêu ESG và SDGs;

VI
MÔI
TRƯỜNG

c) Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn và chuyển giao giải pháp, mô hình kỹ thuật - quản trị cho doanh nghiệp và địa phương trong quá trình xây dựng và triển khai dự án.

5. Thúc đẩy phát triển tài chính xanh và huy động nguồn lực cho các dự án tăng trưởng xanh

a) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phát triển tài chính xanh, tài chính khí hậu, thị trường carbon và các công cụ định giá phát thải;

b) Xây dựng danh mục, tiêu chí tuyển chọn dự án xanh có khả năng huy động vốn; tư vấn cấu trúc tài chính, phương án huy động nguồn lực cho các dự án tăng trưởng xanh;

c) Kết nối, huy động và điều phối nguồn lực từ các quỹ đầu tư xanh, quỹ khí hậu quốc tế, tổ chức tài chính phát triển, ngân hàng thương mại và nhà đầu tư chiến lược.

6. Hợp tác, đào tạo và phát triển mạng lưới trong lĩnh vực tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

a) Thiết lập, phát triển mạng lưới đối tác, chuyên gia, tổ chức trong nước và quốc tế trong lĩnh vực tăng trưởng xanh và phát triển bền vững;

b) Tổ chức và tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế; tiếp nhận tài trợ, viện trợ và huy động nguồn lực cho các hoạt động nghiên cứu và triển khai;

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn; tham gia đào tạo nguồn nhân lực và hướng dẫn nghiên cứu trong các lĩnh vực liên quan.

7. Công tác quản trị đơn vị:

a) Quản lý tổ chức bộ máy, viên chức, người lao động, tài chính, tài sản của Viện theo phân cấp của Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia và quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với các đơn vị trong Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia thực hiện các hoạt động ươm tạo, xúc tiến thương mại và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Viện:

a) Lãnh đạo Viện gồm Viện trưởng và các Phó Viện trưởng.

b) Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Viện.

VÀ
 Ệ
 SÁN
 C C
 ★

c) Các Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng chỉ đạo, điều hành một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Thị trường và Đối tác (Market and Partnership Division).

b) Phòng Thiết kế Giải pháp (Solution Design Division).

c) Phòng Dự án ESG, SDG (ESG, SDG Project Division).

3. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ

a) Phòng Thị trường và Đối tác: Thực hiện phân tích thị trường, tiếp cận và phát triển quan hệ đối tác; khảo sát, xác định bài toán lớn, vấn đề cụ thể cần giải quyết của doanh nghiệp, địa phương để đề xuất, kết nối giải pháp công nghệ và mô hình phù hợp; xây dựng và mở rộng mạng lưới, quản lý quan hệ đối tác trong nước và quốc tế.

b) Phòng Thiết kế Giải pháp: Thiết kế, xây dựng và hoàn thiện các giải pháp công nghệ, mô hình kỹ thuật – tài chính tích hợp, đề xuất phương án huy động nguồn lực phù hợp để giải quyết bài toán cho doanh nghiệp, địa phương trong lĩnh vực tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

c) Phòng Dự án ESG, SDG: Nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các công nghệ, giải pháp, mô hình phục vụ triển khai các dự án ESG/SDGs; tư vấn, tổ chức thí điểm, hướng dẫn và hỗ trợ triển khai, vận hành cho doanh nghiệp, địa phương.

Điều 4. Mối quan hệ công tác và chế độ phối hợp

1. Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững xác lập mối quan hệ công tác và thực hiện cơ chế phối hợp nghiệp vụ theo đúng các quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Hoạt động phối hợp được vận hành dựa trên nguyên tắc tuân thủ tuyệt đối phương thức quản trị tập trung và thống nhất của hệ sinh thái NACENTECH; bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời và tối ưu hóa hiệu quả thực thi nhiệm vụ chiến lược giữa các đơn vị thành viên.

2. Mọi hoạt động tương tác, cung ứng nguồn lực và phối hợp chuyên môn giữa các đơn vị phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quản trị cùng hệ thống phân cấp thẩm quyền được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm. Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Viện có trách nhiệm chủ động thiết lập cơ chế trao đổi dữ liệu và chia sẻ nguồn lực trên nền tảng số tập trung của hệ sinh thái NACENTECH; nhằm bảo đảm tính minh bạch, sự nhất quán và thông suốt trong công tác điều hành tổng thể của đơn vị chủ quản (NACENTECH).

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Viện trưởng Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững và các cá nhân liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định về mối quan hệ công tác tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; trong quá trình vận hành, căn cứ vào dữ liệu thực chứng và yêu cầu quản trị thực tiễn, Viện trưởng Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững có trách nhiệm kịp thời tham mưu, đề xuất Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy định nhằm đảm bảo tính tương thích và hiệu quả hoạt động của đơn vị./h

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Vụ TCCB (để b/c);
- Viện trưởng và các PVT Viện ĐMSTQG;
- Các đơn vị trực thuộc Viện ĐMSTQG;
- Lưu: VT, VPV.



Phạm Hồng Quát



PHỤ LỤC

Quy định mối quan hệ công tác của Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **32** /QĐ-VĐMSTQG ngày **10** tháng **03** năm 2026 của Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia)

Điều 1. Vị trí và tư cách pháp nhân

1. Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững (sau đây gọi tắt là Viện) là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH). Viện chịu sự quản lý trực tiếp và toàn diện của Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và định hướng chiến lược hoạt động.

2. Viện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng thương mại để thực hiện các hoạt động giao dịch, vận hành theo quy định của pháp luật. Viện tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động nghiệp vụ và cam kết dân sự trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Viện được tổ chức và vận hành theo cơ chế đơn vị điều phối, tối ưu hóa chuỗi giá trị trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo NACENTECH. Viện thực hiện quản trị theo nguồn lực đầu vào, kết quả đầu ra, hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội - môi trường (IOOI); lấy hiệu quả thương mại hóa công nghệ và các chỉ số tác động kinh tế - xã hội làm thước đo năng lực cốt lõi và tiêu chuẩn đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị và vận hành hệ thống dựa trên nền tảng số

1. **Quản trị số hóa dựa trên nền tảng tích hợp (Platform-based Management):** Viện thực hiện cơ chế quản lý, điều hành và hạch toán tập trung thông qua nền tảng quản trị kỹ thuật số thống nhất của NACENTECH. Mọi hoạt động về kế toán, nghiệp vụ, điều phối nhân sự và kiểm soát tài sản phải được cập nhật và thực thi trên hệ thống nền tảng số nhằm đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch và tối ưu hóa hiệu năng quản trị trong toàn đơn vị.

2. **Cơ chế tối ưu hóa nguồn lực dùng chung (Shared Resources):** Viện vận hành theo mô hình nguồn lực không xác lập quyền sở hữu cố định đối với nhân sự và tài sản; mọi nguồn lực con người và hạ tầng kỹ thuật đều được đặt dưới quyền điều phối tổng thể của hệ thống NACENTECH. Nhân sự chuyên gia và trang thiết bị được điều tiết linh hoạt, căn cứ theo tiến độ và nhu cầu thực tiễn của từng nhóm nhiệm vụ dự án (Project Team), nhằm xóa bỏ tư duy sở hữu cục bộ và gia tăng hiệu suất khai thác tài sản chung.

3. **Đánh giá hiệu suất dựa trên dữ liệu xác thực (KPI):** Kết quả thực thi nhiệm vụ của cán bộ và người lao động được xác lập, lưu trữ và thẩm định khách quan thông qua dữ liệu xác thực trên nền tảng số. Đây là chỉ số trọng yếu và là căn cứ pháp lý quyết định trong việc điều tiết nguồn lực, định biên nhân sự, cũng như thực hiện các quy trình về đánh giá năng lực, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ theo định hướng quản trị dựa trên kết quả.

Điều 3. Quyền hạn trong việc khai thác và điều phối nguồn lực

1. **Quyền khai thác hạ tầng kỹ thuật và chuyên gia hệ thống:** Viện được xác lập quyền ưu tiên đăng ký và khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm (Lab), trang thiết bị dùng chung và huy động nguồn lực chuyên gia thuộc mạng lưới quản trị tập trung của NACENTECH. Quy trình khai thác nguồn lực được thực hiện thông qua hệ thống đăng ký và phê duyệt trực tuyến trên nền tảng quản trị số, đảm bảo tính kịp thời và tối ưu hóa hiệu suất sử dụng tài sản chung.

2. **Quyền đề xuất điều động nhân sự và biệt phái chuyên gia:** Trong trường hợp triển khai các nhiệm vụ chiến lược quy mô lớn hoặc các dự án có tính chất đặc thù, Viện được quyền chủ động đề xuất với Lãnh đạo Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia về việc điều động, biệt phái hoặc luân chuyển nhân sự từ các đơn vị thành viên khác trong hệ sinh thái NACENTECH. Việc điều phối này nhằm mục đích tập hợp đội ngũ chuyên gia tinh nhuệ, đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ phức tạp và đảm bảo tiến độ thực thi dự án.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức theo mô hình Nhóm Dự án (Project Team)

1. **Lãnh đạo Viện:** Viện trưởng và các Phó Viện trưởng.

2. **Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ:**

a) Phòng Thị trường và Đối tác (Market and Partnership Division).

b) Phòng Thiết kế Giải pháp (Solution Design Division).

c) Phòng Dự án ESG, SDG (ESG, SDG Project Division).

3. **Các Nhóm Dự án (Project Teams):** Viện thực hiện mô hình quản trị ma trận, trong đó việc phân định các phòng chuyên môn nhằm mục đích quản lý nhân sự theo nghiệp vụ, còn việc thực thi nhiệm vụ được tổ chức theo các Nhóm dự án linh hoạt do Viện trưởng quyết định thành lập. Khi triển khai nhiệm vụ, nhân sự từ các phòng chuyên môn và các chuyên gia phù hợp sẽ được điều động tham gia Nhóm dự án để tập trung nguồn lực thực hiện mục tiêu cụ thể; đồng thời, Nhóm dự án được quyền đăng ký sử dụng hạ tầng phòng thí nghiệm và trang thiết bị dùng chung thông qua nền tảng quản trị số của NACENTECH. Mọi chi phí vận hành và chỉ số hiệu suất (KPI)

của từng thành viên được hạch toán độc lập theo dự án trên nền tảng; sau khi kết thúc dự án hoặc nghiệm thu giai đoạn, các nhân sự được điều động sẽ hoàn trả nhiệm vụ và quay trở về đơn vị chuyên môn để sẵn sàng cho các đợt điều động kế tiếp.

4. **Nhân sự chuyên gia:** Bao gồm biên chế và chuyên gia thuê ngoài, được điều phối dựa trên năng lực và KPI ghi nhận trên hệ thống.

Điều 5. Quy định về chuyển tiếp, bàn giao, kế thừa và xử lý nguồn lực

1. **Cơ chế rà soát và kiện toàn nguồn nhân lực:** Viện thực hiện phương án bố trí nhân sự dựa trên kết quả rà soát, đánh giá năng lực thực tế phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đối với các trường hợp đáp ứng được với chỉ số hiệu suất (KPI) hoặc phù hợp với định hướng đổi mới của hệ sinh thái, Lãnh đạo Viện sẽ thực hiện điều động, sắp xếp vị trí công tác theo quy định quản lý cán bộ của NACENTECH.

2. **Quản lý tài sản và hạ tầng kỹ thuật theo mô hình tập trung:** Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững thực hiện quyền khai thác và sử dụng hệ thống tài sản, trang thiết bị và hạ tầng phòng thí nghiệm (Lab) của NACENTECH căn cứ trên nhu cầu thực tế của các dự án thông qua quy trình đăng ký và điều phối trên nền tảng quản trị số chung của NACENTECH.

Điều 6. Cơ chế quản trị hạ tầng và điều phối không gian làm việc

1. **Nguyên tắc quản lý hạ tầng tập trung:** Viện thực hiện cơ chế khai thác hạ tầng dựa trên quyền sử dụng, không xác lập quyền sở hữu riêng biệt hoặc định biên cố định đối với cơ sở hạ tầng và không gian làm việc. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và mặt bằng làm việc được đặt dưới sự quản lý tập trung của Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH) nhằm thực hiện mục tiêu chuẩn hóa và tối đa hóa hiệu quả sử dụng tài sản chung trong hệ thống.

2. **Cơ chế điều tiết không gian theo quy mô nhiệm vụ:** Diện tích và vị trí làm việc được điều phối linh hoạt dựa trên dữ liệu thực tế về quy mô dự án và số lượng nhân sự triển khai tại từng thời điểm. Văn phòng Viện (NACENTECH) thực hiện rà soát, điều tiết tăng hoặc giảm chỉ tiêu không gian làm việc hàng năm hoặc theo từng giai đoạn dự án, đảm bảo sự tương xứng giữa nguồn lực hạ tầng và khối lượng nhiệm vụ thực tế của Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững.

3. **Trách nhiệm đảm bảo điều kiện vận hành và duy tu:** Văn phòng Viện (NACENTECH) đóng vai trò đơn vị đầu mối cung ứng dịch vụ hạ tầng, chịu trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị và đảm bảo các điều kiện vận hành chuẩn mực cho môi trường làm việc. Việc cung ứng và nâng cấp được thực hiện căn

cứ trên nhu cầu đăng ký chính thức của Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững thông qua hệ thống quản trị nền tảng số chung.

Điều 7. Hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất (KPI) và quản trị mục tiêu

1. **Quy định về tính thống nhất và bắt buộc của hệ thống KPI:** Toàn thể cán bộ quản lý và người lao động trong hệ thống Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững có trách nhiệm tuân thủ tuyệt đối quy trình vận hành và hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất (KPI) được thiết lập trên nền tảng quản trị số tập trung của NACENTECH. Việc ghi nhận, cập nhật dữ liệu và đánh giá kết quả công tác trên nền tảng số là nghĩa vụ bắt buộc, đảm bảo tính minh bạch, khách quan và xuyên suốt trong toàn bộ quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. **Giá trị pháp lý của kết quả đánh giá KPI:** Chỉ số hiệu suất (KPI) thu thập từ nền tảng số là căn cứ pháp lý và dữ liệu thực chứng duy nhất để thực hiện hạch toán thu nhập, xét duyệt các chế độ khen thưởng, phúc lợi. Đồng thời, kết quả này là thước đo trọng yếu để thẩm định năng lực thực tế, làm cơ sở cho việc sắp xếp, điều động hoặc đánh giá mức độ tương xứng đối với vị trí công tác hiện tại của cán bộ và nhân viên.

Điều 8. Quy định về điều động, bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự

1. **Cơ chế miễn nhiệm dựa trên chỉ số hiệu suất (KPI):** Cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị trực thuộc Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững có trách nhiệm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu hiệu suất công việc được giao. Trường hợp kết quả đánh giá KPI không đạt yêu cầu theo quy định, cá nhân giữ chức vụ quản lý thực hiện chế độ từ nhiệm hoặc được cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm để thực hiện việc kiện toàn nhân sự phù hợp, đảm bảo tính liên tục và hiệu quả trong hoạt động quản trị của đơn vị.

2. **Thẩm quyền điều động nhân sự linh hoạt trong hệ sinh thái :** Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH) thực hiện quyền điều động, biệt phái cán bộ, nhân viên thuộc Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững tham gia các nhiệm vụ chiến lược và dự án liên ngành trong toàn hệ sinh thái vào bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu thực tế. Cơ chế này nhằm tối ưu hóa năng lực chuyên gia và đảm bảo sự điều phối nguồn lực linh hoạt, đáp ứng các mục tiêu chung của hệ sinh thái NACENTECH.

Điều 9. Cơ chế tự chủ tài chính

1. **Quyền tự chủ và trách nhiệm tài chính:** Viện vận hành theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia

(NACENTECH). Viện thực hiện quản trị tài chính dựa trên nguyên tắc minh bạch, tối ưu hóa dòng vốn và gia tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư.

2. **Cơ cấu nguồn thu chiến lược:** Nguồn thu của Viện được hình thành từ các hoạt động chuyên môn trọng tâm và năng lực khai thác hạ tầng kỹ thuật tập trung, bao gồm: doanh thu từ dịch vụ tư vấn chiến lược, thiết kế và chuyển giao hệ thống giải pháp tăng trưởng xanh tổng thể; phí điều phối nguồn lực tài chính xanh, quản trị dự án quy mô lớn (Scale-up) và môi giới đầu tư chuyên sâu; kinh phí thực thi các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, giải mã và ứng dụng công nghệ xanh, công nghệ sinh học và vật liệu mới các cấp; nguồn thu từ hoạt động kết nối mạng lưới, huy động vốn chiến lược từ các quỹ đầu tư quốc tế và thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng; cùng các khoản thu hợp pháp khác từ dịch vụ kiểm định, phân tích môi trường, cung ứng nền tảng dữ liệu số và hạch toán khai thác hệ thống phòng thí nghiệm, trang thiết bị dùng chung trong hệ sinh thái NACENTECH.

3. **Cơ chế hạch toán sử dụng nguồn lực dùng chung:** Viện thực hiện việc hạch toán chi phí sử dụng hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm và trang thiết bị dùng chung dựa trên thời gian khai thác và định mức vận hành thực tế. Các khoản chi phí này được khấu trừ nội bộ và chuyển trả cho đơn vị quản lý vận hành trực tiếp (Văn phòng Viện) thông qua hệ thống kế toán trên nền tảng quản trị số, đảm bảo tính chính xác và tối ưu hóa chi phí đầu tư cho từng nhóm dự án.

Điều 10. Quản trị giao dịch và hạch toán trên nền tảng số

1. **Quy định về tính minh bạch dữ liệu tài chính:** Toàn bộ các giao dịch tài chính, hệ thống hợp đồng kinh tế và định mức chi phí phát sinh trong quá trình triển khai dự án phải được cập nhật đầy đủ, kịp thời và chính xác trên nền tảng quản trị số tập trung của NACENTECH. Việc lưu trữ và hạch toán dữ liệu trên nền tảng số là yêu cầu bắt buộc nhằm thiết lập cơ sở dữ liệu thực chứng cho công tác kiểm soát nội bộ và báo cáo tài chính của Viện.

2. **Cơ chế giám sát và điều phối tập trung:** Dữ liệu tài chính trên nền tảng số là căn cứ duy nhất để đơn vị chủ quản (NACENTECH) thực hiện chức năng giám sát, điều phối nguồn lực và phê duyệt các định mức đầu tư cho toàn hệ sinh thái NACENTECH. Việc tuân thủ quy trình hạch toán số hóa đảm bảo tính thống nhất trong quản trị, tối ưu hóa dòng tiền và là cơ sở để Viện thực hiện các quyền hạn về tự chủ tài chính theo quy định.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quy định này là văn bản định chế cơ bản xác lập các nguyên tắc tổ chức và mối quan hệ công tác của Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững. Mọi cán bộ, nhân viên và chuyên gia khi tham gia công tác tại Viện có trách nhiệm tuân thủ tuyệt đối các quy định về khai thác nguồn lực dùng chung, cơ chế điều phối nhân sự và hệ thống quản trị chỉ số hiệu suất (KPI) trên nền tảng số theo quy định của NACENTECH.

3. Viện trưởng Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững phối hợp với Chánh Văn phòng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình vận hành, căn cứ trên dữ liệu thực chứng và báo cáo hiệu quả từ nền tảng quản trị số, Viện trưởng Viện Tăng trưởng xanh và Phát triển bền vững có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu và báo cáo Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH) xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung Quy định nhằm đảm bảo sự tương thích với thực tiễn hoạt động và định hướng chiến lược của hệ sinh thái NACENTECH./.

